**HỘI THẢO LẤY Ý KIẾN HOÀN THIỆN DỰ THẢO LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**

**Lê Thu Minh – Luật sư**

*Baker & McKenzie Việt Nam*

Kính chào quý vị,

Tôi là Lê Thu Minh, luật sư của Công ty Luật Baker & McKenzie Việt Nam. Tôi rất vinh dự được tham gia vào buổi hội thảo hôm nay về việclấy ý kiến hoàn thiện dự thảo Luật Giao dịch điện tử.

Trước hết, thay mặt Công ty Luật Baker & McKenzie Việt Nam, tôi xin trân trọng cảm ơn Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT) của Quốc hội và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến, tạo cơ hội cho hoạt động kết nối và chia sẻ thông tin nội bộ, trong quá trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thực hiện chỉnh lý Luật Giao dịch điện tử.

Trong khuôn khổ được phân công, tôi xin trình bày các góp ý của Công ty Luật Baker & McKenzie Việt Nam cho dự thảo luật như sau:

1. Định nghĩa và phân loại của khái niệm nền tảng số
2. Trách nhiệm bảo đảm kết nối kỹ thuật đối với chủ quản hệ thống thông tin và nền tảng số
3. Trách nhiệm bảo vệ thông điệp dữ liệu
4. **Định nghĩa và phân loại của khái niệm nền tảng số**

Dự thảo Luật hiện đang định nghĩa nền tảng số và nền tảng số trung gian như sau:

*Nền tảng số là hệ thống thông tin tạo môi trường điện tử cho phép các bên* ***thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ****. Nền tảng số bao gồm nền tảng số trung gian và các nền tảng số khác.* (khoản 18, Điều 3)

*Nền tảng số trung gian là nền tảng số mà chủ quản nền tảng số độc lập với các bên thực hiện giao dịch.* ((khoản 19, Điều 3)

Định nghĩa này của nền tảng số vẫn đang khá rộng và không cụ thể, dẫn đến việc nền tảng số có thể bao gồm tất cả các loại dịch vụ kỹ thuật số / dịch vụ trực tuyến liên quan trực tiếp đến giao dịch điện tử. Nếu đối chiếu 2 định nghĩa này với nhau, ta có thể thấy yếu tố quan trọng của nền tảng số là mục đích và chức năng thực hiện giao dịch, trong đó, nền tảng số cho phép các bên (tức 2 bên hoặc nhiều bên) thực hiện giao dịch với nhau, còn nền tảng số trung gian là nền tảng số mà chủ quản nền tảng số này độc lập với các bên thực hiện giao dịch. Các yếu tố "cung cấp, sử dụng sản phẩm" hoặc "sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ" mang nghĩa rộng nhưng lại không có tính chất định nghĩa rõ ràng mục đích và chức năng của nền tảng số. Yếu tố "sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ" có thể gây hoang mang, hiểu lầm rằng software development kit (SDK) và hệ điều hành (operating system) cũng có thể bị xem là nền tảng số.

Tham khảo từ Điều 5 - Chính sách phát triển giao dịch điện tử của dự thảo, chúng tôi xin kiến nghị định nghĩa nên mô tả cụ thể hình thức của nền tảng số (ví dụ: trang web, ứng dụng), và mục đích của nền tảng số nên được thu hẹp như sau:

*Nền tảng số là hệ thống thông tin tạo môi trường điện tử được thể hiện dưới dạng trang thông tin điện tử (website) hoặc ứng dụng di động (application) cho phép các bên* ***thực hiện trọn vẹn quy trình giao dịch trong quá trình cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ ~~hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ~~****. Nền tảng số bao gồm nền tảng số trung gian và các nền tảng số khác.*

1. **Trách nhiệm bảo đảm kết nối kỹ thuật đối với chủ quản hệ thống thông tin và nền tảng số**

Điều 48 của dự thảo hiện đang quy định rằng chủ quản hệ thống thông tin và nền tảng số phải bảo đảm sẵn sàng thực hiện kết nối kỹ thuật phục vụ giám sát, kiểm tra, báo cáo số liệu hoạt động với hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan.

Chúng tôi quan ngại không rõ "kết nối kỹ thuật với các hệ thống giám sát của Nhà nước" nghĩa là gì.

Thuật ngữ "kết nối" có nghĩa rằng các hệ thống thông tin có thể phải được kết nối với các cơ quan nhà nước thông qua cổng thông tin trực tuyến hoặc thông qua một chức năng kỹ thuật. Trên thực tế, chính quyền địa phương có thể yêu cầu các công ty tiến hành kết nối API để cung cấp thông tin trực tiếp cho họ. Việc phải có một yêu cầu kết nối như vậy sẽ mang lại nhiều nguy cơ an ninh thông tin và bảo mật, là một điểm yếu có thể bị lợi dụng để tấn công vào hệ thống của cả cơ quan nhà nước và của nhà cung cấp dịch vụ. Điều này có thể gây thiệt hại đối với không chỉ các dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ mà còn với dữ liệu khách hàng của họ.

Ngoài ra, thông tin báo cáo số liệu hoạt động trực tiếp thông qua kết nối hệ thống thời gian thực có thể sẽ tiêu tốn năng lượng và tài nguyên lưu trữ một cách không cần thiết. Đối với nhu cầu giám sát kiểm tra, báo cáo số liệu hoạt động đối với cơ quan nhà nước, dự thảo có thể quy định việc báo cáo định kỳ (bằng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử) để đáp ứng nhu cầu này mà không cần thực hiện kết nối API cung cấp thông tin trực tiếp realtime.

1. **Trách nhiệm bảo vệ thông điệp dữ liệu**

Điều 52 của dự thảo hiện có quy định về việc bảo vệ thông điệp dữ liệu.

Hiện tại, việc bảo mật thông tin và an ninh mạng đã được điều chỉnh bởi Luật An toàn thông tin mạng và Luật An ninh mạng (và Nghị Định hướng dẫn thi hành số 53). Các quy định về an ninh thông tin, an ninh mạng và an toàn thông tin mạng trên đã bao gồm việc bảo vệ hệ thống mạng, không gian mạng và dữ liệu nói chung. Đối với loại dữ liệu đặc thù, cần bảo vệ nghiêm ngặt hơn các loại dữ liệu khác là dữ liệu cá nhân, hiện Chính phủ và Bộ TTTT cũng đang triển khai xây dựng Nghị định về Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân ("**Dự Thảo Nghị Định BVDLCN**").

Thông điệp dữ liệu, về bản chất, cũng là một loại dữ liệu không có tính đặc thù nổi bật như dữ liệu cá nhân, và vì vậy không cần thiết phải được bảo vệ chuyên biệt. Các quy định tại Điều 52 vì vậy là trùng lặp và chồng chéo đối với Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn, cũng như Dự Thảo Nghị Định BVDLCN.

Cụ thể là quy định yêu cầu bên xử lý dữ liệu phải thông báo kịp thời cho người dùng về sự cố mất an toàn thông điệp dữ liệu và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông tại điểm b, khoản 5 Điều 52 của dự thảo.

* Trước hết, dự thảo chưa có định nghĩa về bên xử lý dữ liệu trong lĩnh vực giao dịch điện tử. Dự Thảo Nghị Định BVDLCN hiện chỉ có định nghĩa về bên xử lý dữ liệu cá nhân. Thông điệp dữ liệu và dữ liệu cá nhân là 2 khái niệm khác nhau ở 2 văn bản.
* Thứ hai, Luật An toàn thông tin mạng và Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT của Bộ TT&TT đã có quy định hiện hành về việc xử lý và thông báo sự cố an toàn thông tin mạng. Quy định thêm điều này trong dự thảo Luật GDĐT là trùng lặp không cần thiết.
* Trên thực tiễn về bảo vệ dữ liệu ở các nước, chỉ có các sự cố và vi phạm xâm hại trực tiếp đến dữ liệu cá nhân của người dùng mới cần phải thông báo đến người dùng. Các sự cố khác không liên quan đến dữ liệu người dùng, nếu được thông báo cho người dùng, sẽ tạo ra sự phiền nhiễu không đáng có, lãng phí tài nguyên kỹ thuật của nhà cung cấp dịch vụ và của quốc gia.